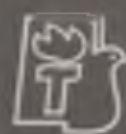




HỌC TẬP VÀ LAN THIỆP
TẤM GUƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH



DI TÍCH CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH Ở KIM LIÊN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

TRẦN MINH SIÊU

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Di tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Kim Liên / Trần Minh Siêu b.s. - Tái bản lần thứ 8
- T.P. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2008

63tr. ; tranh ảnh ; 20 cm. - (Di sản Hồ Chí Minh) (Học tập và làm theo tấm gương đạo
đức Hồ Chí Minh)

1. Hồ Chí Minh, 1890-1969 - Tiểu sử. 2. Di tích - Kim Liên (Nghệ An, Việt Nam)

I. Trần Minh Siêu b.s. II. Hồ Chí Minh, 1890-1969 nói về.

959.742 - dc 22

D536

TRẦN MINH SIÊU

Biên soạn

DI TÍCH CỦA CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH
Ở KIM LIÊN

(Tái bản lần thứ tám)

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

*"Quê hương nghĩa trọng tình cao
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình"*

BÁC HỒ



KIM LIÊN MẢNH ĐẤT GIÀU TRUYỀN THỐNG

Từ thành phố Vinh, theo đường hàng tỉnh số 49, qua làng Thái Lão^(*) qua cầu Mượu ven chân núi Độc Lôi chúng ta bước vào địa phận huyện Nam Đàn, đi 4 km nữa là đến xã Kim Liên - quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Xã Kim Liên trước đây gọi là Chung Cự thuộc tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, có làng Kim Liên quê cha, làng Hoàng Trù quê mẹ Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với năm làng khác là Ngọc Đình, Vạn Hội, Thanh Lý, Cường Kỳ, Khoa Cũ. Cả bảy làng này đều ở quanh núi Chung.

Núi Chung, một thắng cảnh trong vùng, cũng là một di tích lịch sử. Trên đó có đền thờ Nguyễn Đắc Đài, một tướng tài thời nhà Trần, có công đánh giặc ngoại xâm. Năm 1885, khi thực dân Pháp đặt bàn chân xâm lược đến mảnh đất thiêng liêng này, tú tài Vương Thúc Mậu, người làng Kim Liên đã lập "Đội

(*) Làng Thái Lão là quê hương của Hồ Sỹ Anh, ông tổ bốn đời của Quang Trung - Nguyễn Huệ, là nơi có đài liệt sĩ Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930-1931.

chung nghĩa binh" tại đây để chống giặc, bảo vệ quê hương.

Núi Chung tuy không cao lắm, nhưng đứng trên đó ta có thể thấy được một vùng rộng lớn xung quanh.

Phía Tây có Hùng Sơn (rú Đụn) đồ sộ, từ xưa đã được liệt vào hàng "danh sơn mây khói tự".^(*) Ở đó có thành Vạn An và đền thờ Mai Hắc Đế - người đứng đầu phong trào quật khởi chống quân xâm lược nhà Đường năm 722. Phía tây nam là dãy Thiên Nhẫn trùng trùng điệp điệp như "đàn ngựa ruổi theo"^(**) ở đó có thành Lục Niên, đại bản doanh của Lê Lợi trong sự nghiệp đánh đuổi quân Minh, giải phóng đất nước. Phía đông nam là dãy Lam Thành, với ba ngọn Triều Khẩu, Phượng Hoàng, Nghĩa Liệt đứng kề ngã ba Tam Chế của sông Lam, một thời đã làm chỗ đứng chân cho lý sở Hoan Châu. Ở đây có Thành Lam, nơi có kỷ tích "ăn cỏ dầu người" của Nguyễn Biểu, một danh thần thời Trần Trùng Quang, khi ông giáp mặt đối đầu với tướng giặc Minh là Trương Phụ.

Phía Bắc có núi Đại Vạc, Đại Huệ, thế núi nguy nga, đẹp như tranh vẽ. Ở đây còn dấu vết thành quách Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương trong công cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập chống ngọn sóng xâm lăng của phong kiến phương Bắc.

Phía dưới Đại Huệ là dãy Đại Hải, giăng giăng như bức trường thành chống chọi với phong ba biển cả.

(*) (**) Theo "Nghệ An phong thổ ký" của Bùi Dương Lịch.

Nơi đó có mộ tổ vua Quang Trung - Nguyễn Huệ người anh hùng áo vải. Trong cuộc hành quân cấp tốc từ kinh đô Phú Xuân, tới đất Nghệ - Tĩnh, ông đã dừng lại ở Phù Thạch và chỉ trong mấy ngày đã lấy thêm được năm vạn quân làm cánh trung quân, rồi hành quân thần tốc ra Thăng Long giữa tết Kỷ Dậu (1789) đánh tan hai mươi chín vạn quân Thanh cứu nguy cho đất nước.

Khi đại thắng trở về, Quang Trung lại chọn thế đất và lòng người Nghệ Tĩnh để xây dựng đế đô, tức Phượng Hoàng Trung Đô chân núi Dũng Quyết thuộc thành phố Vinh.

Bên dòng sông Lam cách Kim Liên 4 km về phía Tây, nơi xóm làng in xuống dòng sông trong xanh những tảng bóng êm đềm, uyển chuyển là làng Đan Nhiệm, nơi chôn nhau cắt rốn của nhà chí sĩ Phan Bội Châu, người đã giương cao lá cờ chống thực dân Pháp trong hai mươi năm đầu thế kỷ XX.

Dứng trên núi Chung, phóng tầm mắt ra xa, ta còn thấy được làng Thông Lạng, quê hương Lê Hồng Phong, làng Xuân Nha quê hương Phạm Hồng Thái, Tùng Ảnh quê hương Trần Phú, Đông Thái quê hương Phan Đình Phùng, thành phố Vinh nơi sinh Nguyễn Thị Minh Khai và dưới chân núi Hồng Lĩnh là quê hương của Nguyễn Công Trứ và đại thi hào Nguyễn Du.

Đất nước, núi sông quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn chặt với lịch sử nước nhà trong tất cả các thời đại.

Xã Kim Liên cũng là mảnh đất có phong cảnh hữu tình. Ca dao xưa có câu:

*Nhất vui là cảnh quê mình,
Kim Liên sen tốt, Ngọc Đình chuông kêu.*

Hay là:

*Nhất vui là cảnh Kim Liên,
Cảnh tiên có cảnh, người tiên có người.*

Phong cảnh thì vậy, nhưng đời sống ở đây lại hết sức vất vả, khó khăn. Cảnh nghèo thiếu miếng cơm, manh áo đến nỗi ngày trước làng Kim Liên còn phải mang thêm cái tên xót xa là làng “Đai Khố”.

Khí hậu, thổ nghi vùng quê hương Bắc xưa nay để lại trong tâm trí chúng ta một ấn tượng sâu sắc là nơi không được thiên nhiên ưu đãi. Đất đai cằn cỗi, nhiều nơi chỉ là đồng chua, khí hậu khắc nghiệt, mưa gió thất thường.

Hoàn cảnh thiên nhiên ấy không thể không ảnh hưởng đến tính cách, tinh thần và cuộc sống của con người ở đây.

Các thế hệ cha ông sống trên mảnh đất này đã tin vào khả năng của mình, chung lưng đấu cật, đổ nhiều mồ hôi và máu, giành giật với thiên nhiên từng củ khoai, hạt lúa. Và ngày nay đã tạo ra được một cơ sở kinh tế quan trọng. Nhân dân Kim Liên đã tính toán và nhắc nhở nhau rằng:

*Muốn ăn thì phải chăm làm,
Một hạt thóc vàng, chín hạt mồ hôi.*

Thiên nhiên càng cay nghiệt, tinh thần cải tạo thiên nhiên của con người ở đây càng dẻo dai, bền bỉ, đã



Núi Chung.

góp phần tôi luyện con người thêm giàu nghị lực, có khi đạt tới mức phi thường, nhiều lúc đã giúp họ đủ sức vượt qua được những trở lực trong cuộc sống để vươn tới tương lai.

Về sinh hoạt tinh thần, vùng quê hương Bắc có nét đậm đà bản sắc riêng.

Nổi bật nhất là những đêm hát phường vải mà quê hương của nó là làng Kim Liên, Hoàng Trù, Ngọc Đình, Thanh Lý, Nguyệt Quế, Bồ Ân, Bồ Đức...

Hát phường vải là môi trường thi trí thử tài của nam thanh nữ tú. Nhờ những buổi sinh hoạt dân gian này, mà trước đây có nhiều người, đặc biệt là phụ nữ tuy không biết đọc, song nói về nghĩa lý của chữ thi họ lại thông hiểu, có khi đạt tới mức sâu sắc.

Bà Hoàng Thị Loan^(*) và em gái Hoàng Thị An là những phụ nữ như thế. Một thời bà Hoàng Thị An là

(*) Mẹ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

người con gái hát hay nổi tiếng của quê hương Chung Cự.

Những đêm gió mát trăng thanh, điệu hát dò đưa từ mặt nước sông Lam vọng lên, hòa với tiếng hát dậm, hát phường vải từ thôn xóm ven sông đã làm xao xuyến lòng người, đánh thức tình yêu lứa đôi và gợi lên mối tình quyến luyến quê hương xứ sở, bồi đắp cho con người vốn văn hóa dân gian phong phú, lạc quan yêu đời.

Ngoài những buổi hát phường vải, hát dậm, hát ví dò đưa, tâm hồn người dân quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh còn được nuôi dưỡng bằng chuyện cổ tích, truyện truyền kỳ riêng của mình. Những nhân vật như Cố Bạ, ông Dừng, ông Bát Ngạo, những chuyện cổ tích “Bắt chín mặt trời”, truyện “Phá cây nước trời”... đã góp phần bồi đắp, làm cho con người ở đây có một tâm hồn lãng mạn tích cực, bất chấp gian lao nguy hiểm và coi khinh những cám dỗ vật chất tầm thường.

Kim Liên từ xưa đã nổi tiếng là nơi có thuần phong mỹ tục, có truyền thống hiếu học. Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Nam Đàn có bốn người học giỏi nổi tiếng được mệnh danh là “tứ hổ” thì làng Kim Liên đã chiếm tới ba người. Đó là Vương Thúc Quý, Trần Văn Lương và Nguyễn Sinh Sắc, chỉ một mình Phan Bội Châu ở làng Đan Nhiệm.

Chung Cự ngày xưa. Kim Liên ngày nay là mảnh đất giàu truyền thống nằm giữa trung tâm tỉnh Nghệ An, từ xưa nhân dân đã nổi tiếng cần cù lao động, hiếu học, anh dũng đánh giặc, giữ nước và xây dựng quê hương.

Khi nhận xét về mảnh đất truyền thống này, đồng chí Lê Duẩn nói: “Trong nước ta hàng ngàn năm nay, Nghệ Tĩnh là nơi xây dựng cơ sở chống ngoại xâm giữ vững nước nhà. Khi nào phía Bắc mất, người ta lại vào đây xây dựng lực lượng, xây dựng sức mạnh để giải phóng cả nước. Do cơ sở vị trí truyền thống đó mà chúng ta không lấy làm ngạc nhiên ở Nghệ Tĩnh đã sinh trưởng những lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. Cái đó không phải tình cờ mà do lịch sử tự nhiên, lịch sử lâu đời, lịch sử xây dựng kiến thiết đất nước đã hun đúc lại Nghệ Tĩnh, nhân dân anh dũng, cần cù lao động, có nhiều năng lực phi thường”^(*).

Lúc Bác Hồ ra đời cũng là lúc nước ta đã đắm chìm trong đêm trường nô lệ, dưới ách thống trị của bọn thực dân Pháp, nhục mất nước đã và đang giày vò tâm can của hàng chục triệu người dân Việt Nam yêu nước, thương nòi, hàng vạn người đã đứng lên anh dũng đánh giặc, cứu nước.

Cùng với phong trào chống Pháp đầu tiên của cả nước, năm 1874, trên đất Nghệ Tĩnh, Trần Tấn và Đặng Như Mai dựng cờ “Bình Tây”, mà chiến trận đã xảy ra rất ác liệt ngay trên đất Nam Đàn - quê Bác như Thanh Thủy, Xuân Hồ, Xuân Liêu v.v... Những người con của Nam Đàn như Bùi Danh Thiêm, Bùi Danh Mậu, Hồ Duy Cương... đã tham gia đánh giặc một cách oanh liệt.

(*) Theo lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ Tĩnh, Nhà xuất bản Nghệ Tĩnh 1987, tr.17.18.

Năm 1885, hưởng ứng chiếu “Cần Vương” của vua Hàm Nghi, cùng với nhân dân cả nước ở Nghệ Tĩnh phong trào hoạt động mạnh khắp nơi, Lê Ninh ở Đức Thọ, Hưng Nguyên; Nguyễn Xuân Ôn, Đinh Nhật Tân, Trần Quang Diệm ở Yên Thành, Diễn Châu; Lê Doãn Nhã ở Anh Sơn; Nguyễn Nguyên Thành ở Đô Lương; Đinh Văn Chất ở Thanh Chương; Phan Đình Phùng, Cao Thắng ở Hương Khê, Hương Sơn và suốt cả vùng Thanh Chương, Nam Đàn đã dấy nghĩa tung hoành làm cho giặc nhiều phen khiếp đảm.

Tại xã Kim Liên trong hai năm 1885-1886 dưới sự lãnh đạo của Tú tài Vương Thúc Mậu, nhân dân đã tham gia đánh giặc Pháp rất anh dũng.^(*)

Khẩu hiệu “Bình Tây” và tiếng súng diệt thù của các thế hệ cha anh hồi đó đến mấy năm sau vẫn đang hấp dẫn tuổi thơ và đã nhen nhóm lên trong lòng họ tình thần yêu nước nồng nàn, chí căm thù giặc sâu sắc.

Bác Hồ đã sinh ra, lớn lên trong bầu không khí nóng bỏng đó.

Vì nước mất, nhà tan, nhân dân lâm than đói rét, Bác phải tạm biệt quê hương đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

Tuổi thơ của Bác đã được ghi lại qua các di tích lưu niệm tại Kim Liên, quê hương thân yêu của Người.

(*) Vương Thúc Mậu hy sinh lúc chính trưa (giờ Ngọ) tháng chạp năm Bình Tuất (27-12-1886).



DI TÍCH NƠI CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH RA ĐỜI

Di tích nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời ở làng Hoàng Trù, xã Chung Cự nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, gồm:

- Ngôi nhà tranh ba gian, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời.

- Ngôi nhà cụ Hoàng Đường và cụ bà Nguyễn Thị Kép, ông bà ngoại Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Ngôi nhà thờ chi nhánh họ Hoàng.

Tất cả đều nằm gọn trong mảnh đất rộng bảy sào Trung bộ (3500m²).

Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời trong ngôi nhà tranh ba gian ở làng Hoàng Trù. Ngôi nhà do cụ Hoàng Đường dựng năm 1883 vào dịp lễ thành hôn của ông Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan, người con gái đầu lòng của cụ.

Bà Hoàng Thị Loan sinh ra và lớn lên trong một gia đình nho học. Ông ngoại của bà là cụ Nguyễn Văn Giáp ở làng Kẽ Sía, nay thuộc xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã đậu bốn khoa tú tài.

Ông nội bà là cụ Hoàng Xuân Cẩn^(*) đậu ba khoa tú tài và bản thân cụ Hoàng Đường, thân sinh của bà là một nhà nho uyên thâm. Cụ bà Nguyễn Thị Kép, thân mẫu của bà là người phụ nữ học ít song hiểu nhiều. Cả hai cụ đều giàu lòng thương người được nhân dân yêu mến kính trọng.

Chồng bà, ông Nguyễn Sinh Sắc, mồ côi cha mẹ từ lúc lên năm tuổi, là người thông minh và hiếu học.

Gia đình cụ Hoàng Đường đã dành gian nhà ngoài để làm nơi học tập và nơi nghỉ cho ông Sắc. Ở đó có một bộ phận, nơi ông nằm nghỉ, một chiếc án thư, hai cái ghế kê sát cửa sổ, hai cái giá để sách, là nơi cụ Đường dạy cho ông Sắc học tập.

Sau khi có người con gái đầu lòng, gia cảnh càng khó khăn, ông Nguyễn Sinh Sắc không thể dành tất cả thì giờ cho việc học tập. Năm 1885, ông mở lớp dạy học tại quê mẹ (làng Mậu Tài) để vừa có điều kiện giúp vợ, nuôi con, vừa tự ôn luyện trao đổi văn chương.

Năm 1891 ông dự thi hương lần đầu tiên, nhưng chỉ vào đến nhị trường. Hai năm sau, ngày 7 tháng 4 năm Quý Tỵ (1893), ông chịu một tang lớn: Cụ Hoàng Đường qua đời.

Sau tổn thất lớn lao của gia đình, ông Nguyễn Sinh Sắc càng áy náy là thi cử chưa đậu đạt để thỏa lòng

(*) Các tài liệu trước đây ghi là Hoàng Xuân Cẩn, nhưng trong hiệu bụt để tại nhà thờ chi nhánh họ Hoàng Xuân ở làng Hoàng Trù thì ghi tên húy là Cương, tên chữ là Xuân Cẩn. Cụ Hoàng Đường trong hiệu bụt ghi là Hoàng Đường, tên chữ là Văn Cát, thị Chấn Trục.

mong ước của người
thầy và là người bố
vợ kính yêu đã phát
hiện và vun xới cho
tài năng của mình. Từ
đó ông càng quyết
tâm khổ học và kết
quả là kỳ thi hương
năm Giáp Ngọ (1894)
ông đã đậu cử nhân
ở trường Nghệ.

Tất cả các kỷ vật
ở gian thứ nhất trong
ngôi nhà này ghi dấu
sự miệt mài khổ học
của ông trên mười
năm trời để được nhận tấm bằng cử nhân.

Gian thứ hai là nơi nghỉ của bà Hoàng Thị Loan. Sau
tấm vải màn nhuộm nâu, có chiếc giường tre nhỏ đơn
sơ, nơi bà đã sinh ra ba người con.

- Người con đầu lòng là cô Nguyễn Thị Thanh (tức
Bạch Liên), sinh năm 1884.

- Người con thứ hai là cậu Nguyễn Sinh Khiêm (tức
Nguyễn Tất Đạt), sinh năm 1888.

- Người con thứ ba là Nguyễn Sinh Cung (thổ âm địa
phương gọi là Cồông), tức là Nguyễn Tất Thành, sau
này là Chủ tịch Hồ Chí Minh, sinh vào sáng ngày 19
tháng 5 năm 1890.



*Ngày 19-5-1890 Nguyễn Sinh Cung
đã cất tiếng chào đời trong ngôi nhà này.*



*Chiếc giường,
nơi lọt lòng Nguyễn Sinh Cung*

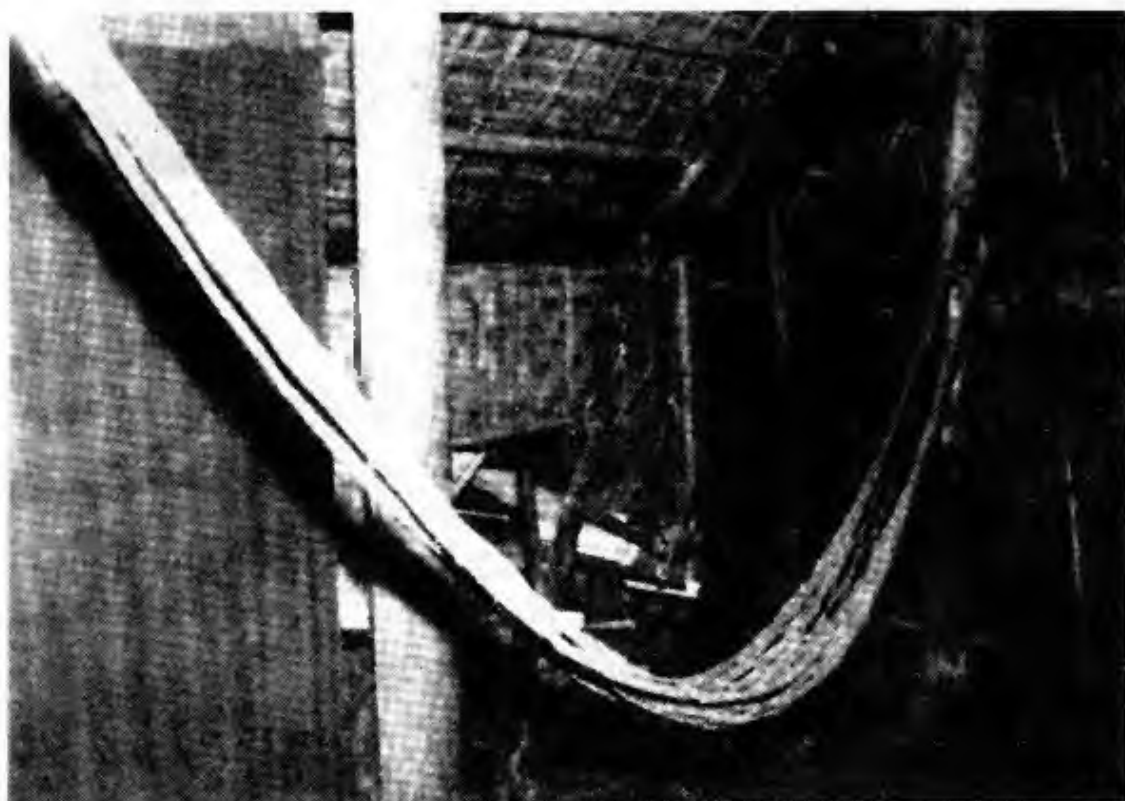
Gian thứ ba để bộ khung cửi dệt vải. Bà Hoàng Thị Loan ngoài công việc đồng áng, thường thức khuya dệt sớm dệt vải, dệt lụa giúp cho gia đình trang trải những khó khăn, thiếu thốn, nhất là lúc giáp hạt ngày ba tháng tám.

Kề bên chiếc võng còi dài uốn cong lên mái nhà, đêm đêm bà vừa đưa thoi vừa đưa võng ru con.

Tuổi thơ của các con đã lớn lên trong tiếng ru êm ái của mẹ, hòa lẫn với âm thanh kỳ cách nhịp nhàng thoi đưa.

Những kỷ vật trong hai gian nhà phản ánh sinh động quá trình lao động cần cù tần tảo ngày đêm của bà Hoàng Thị Loan. Đồng thời cũng chứng kiến bước chập chững, tiếng bi bô tập nói, những biểu lộ tình cảm buổi bình minh của cuộc đời cậu bé Nguyễn Sinh Cung.

Năm 1895, ông Nguyễn Sinh Sắc vào Huế dự thi kỳ thi hội, song không đậu, sau đó được vào học trường Quốc Tử Giám. Ông liền trở về quê, đưa vợ con vào Huế để giúp ông học tập. Bà Hoàng Thị Loan gửi cô



Chiếc vông ru con và khung cửi dệt vải của bà Hoàng Thị Loan.

Nguyễn Thị Thanh ở lại với bà ngoại, rồi dắt díu hai con trai cùng chồng đi bộ, theo con đường Thiên Lý, vượt trên 400 km vào kinh đô Huế.

Vào Huế ít lâu, bà sắm khung cửi, lấy nghề dệt vải làm nghề chính để nuôi con, giúp chồng ăn học. Bà phải sớm hôm cùng chồng lao động cật lực mà cuộc sống vẫn vất vả, túng thiếu. Năm Canh Tý (1900) bà sinh thêm người con trai út, đặt tên là Nguyễn Sinh Xin. Ít lâu sau bà bị bệnh hiểm nghèo, sức khỏe yếu dần, gần trưa ngày 22 tháng Chạp năm Canh Tý (10-2-1900) bà đã qua đời đột ngột lúc vừa bước sang tuổi ba mươi ba. Bà qua đời để lại cho chồng bốn người con đại, trong đó có cậu bé Nguyễn Sinh Xin mới được mấy tháng và cậu Nguyễn Sinh Cung chưa tròn 11 tuổi.

Cha con ông Sắc sau khi đón cái Tết Tân Sửu (1901) trong sự đau buồn vô hạn, đã từ biệt đế đô Huế, trở về sống trong ngôi nhà tranh ba gian ở quê hương.

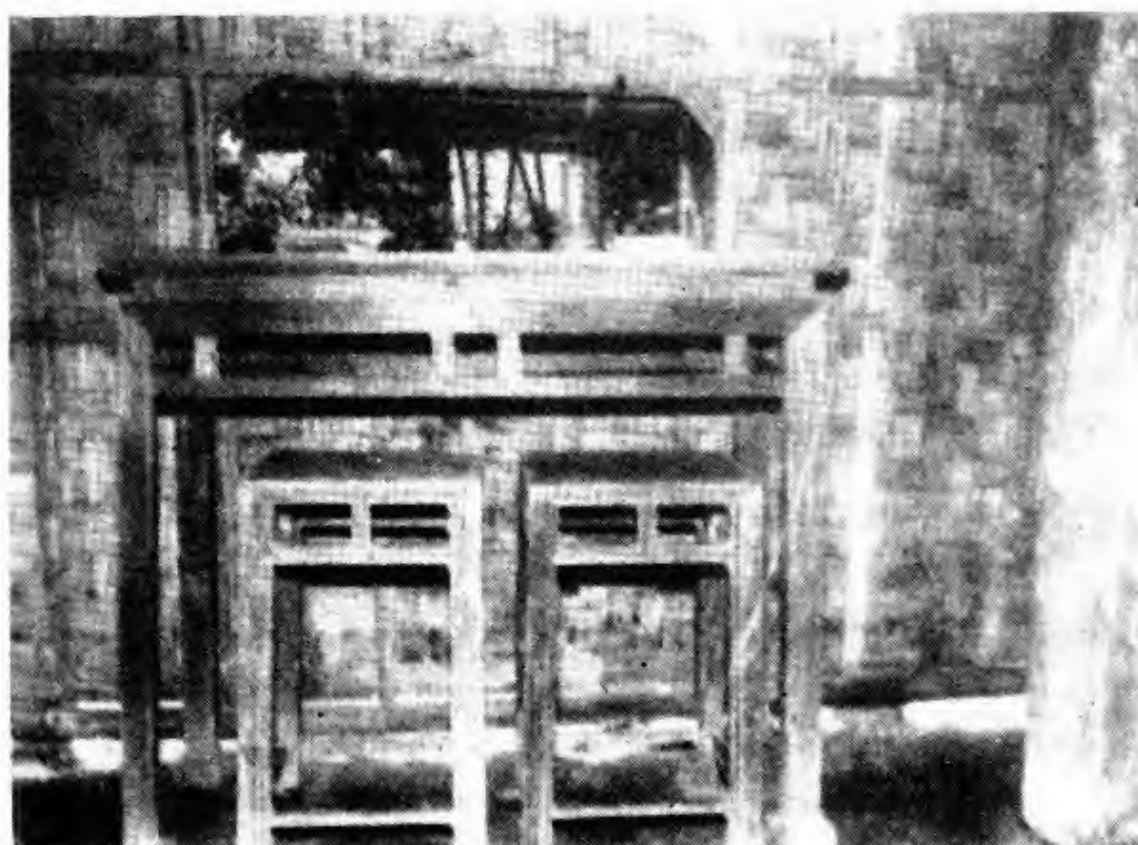
Ba tháng sau, kỳ thi hội Tân Sửu đến. Để trọn tình, trọn nghĩa với người vợ chung thủy đã yên nghỉ dưới chân núi Ngự Bình, ông Nguyễn Sinh Sắc lại gửi các con ở với bà ngoại rồi lần nữa vào Huế dự thi.

Niềm vinh dự đã đến, kỳ này ông đậu Phó bảng. Vua Thành Thái tặng ông biển “Ân tử ninh gia” (ơn vua ban cho gia đình tốt) và cờ “Phó bảng phát khoa”.

Theo tập tục địa phương và nguyện vọng bà con làng Sen, ông Nguyễn Sinh Sắc cùng các con Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Sinh Khiêm, Nguyễn Sinh Cung tạm biệt làng Hoàng Trù trở về quê nội - làng Kim Liên để “vinh qui bái tổ”. (Cậu Nguyễn Sinh Xin bị một cơn bệnh hiểm nghèo, đã mất ở làng Hoàng Trù trong thời gian ông Sắc đang dự kỳ thi Hội ở Huế).

Ngôi nhà ba gian ở Hoàng Trù ông Nguyễn Sinh Sắc cho bà con trong họ sử dụng.

Ngày 9 tháng 12 năm 1961, sau hơn sáu mươi năm xa cách, Chủ tịch Hồ Chí Minh mới về thăm lại ngôi nhà tranh, nơi Người cất tiếng chào đời và sống những năm đầu của tuổi ấu thơ, Người vô cùng xúc động khi nhìn thấy những kỷ vật quen thuộc của gia đình ngày trước nay còn nguyên như cũ; hai bàn tay của Người run run sờ lên chiếc rương gỗ đặt ở gian thứ hai, phía trước chiếc giường nơi Người ra đời.



Nơi học tập của ông Nguyễn Sinh Sắc

Đây là chiếc rương gỗ mà ông bà ngoại cho vợ chồng ông Sắc bà Loan khi chuyển sang ở riêng trong ngôi nhà này năm 1883. Năm 1895, khi đi Huế, bà Hoàng Thị Loan cho em gái là Hoàng Thị An, về sau bà An cho cô Thụy^(*) con gái út của mình. Năm 1959, cô Thụy đã đưa chiếc rương gỗ này đặt vào chỗ cũ như xưa.

Sau những giờ phút bồi hồi xúc động đó, Người ra ngôi trước thềm nhà để tiếp chuyện thân mật với bà con làng xóm^(**).

Ngôi nhà tranh ba gian này không những đã chứng kiến giờ phút Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời, ghi lại những kỷ niệm êm đẹp, thân thương trong những năm đầu của tuổi ấu thơ, mà còn chứng kiến sự kiện Người về thăm quê năm 1961 sau bao nhiêu năm bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước, xa cách quê hương.

(*) Cô Trần Thị Thụy con gái của bà Hoàng Thị An, khi lấy chồng gọi là bà Khom.

(**) Khi tạm biệt ngôi nhà này để trở về Kim Liên, vừa ra tới ngõ, Bác vui mừng là đã gặp cố Nguyễn Thuyên, người bạn đã từng đi câu cá, thả diều thưở còn niên thiếu, cách hơn 60 năm về trước.



NHÀ CỤ HOÀNG ĐƯỜNG

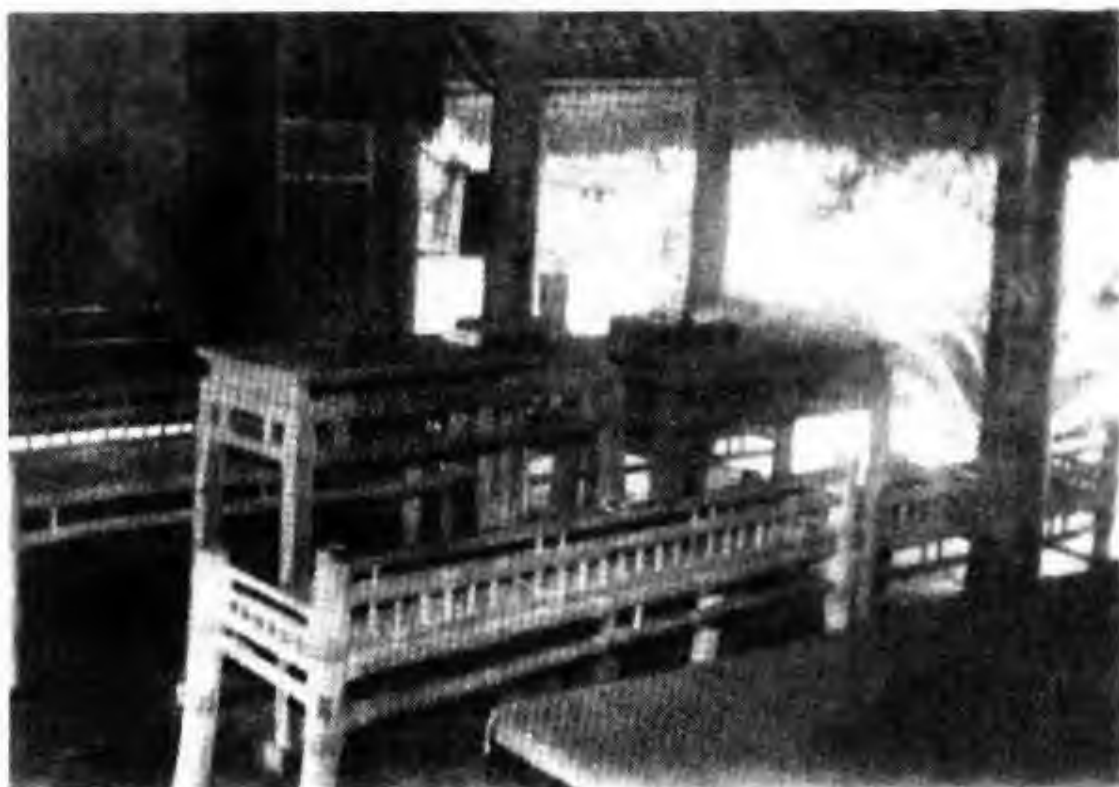
Cụ Hoàng Đường và cụ Nguyễn Thị Kép chung sống với nhau trong ngôi nhà gỗ năm gian lợp bằng lá mía.

Năm 1868, cô Hoàng Thị Loan, con gái đầu lòng của hai cụ ra đời. Năm 1877, sinh thêm cô Hoàng Thị An.

Gia đình cụ Hoàng Đường làm ruộng là chính. Những lúc rảnh rỗi cụ bà còn làm thêm nghề dệt vải, lụa. Cụ Hoàng Đường mở tại nhà mình một lớp học chữ Hán. Ba gian ngoài của ngôi nhà, Cụ dành làm nơi dạy học và tiếp khách. Ở đây, Cụ đặt một bộ tràng kỷ bằng tre, một án thư, hai cổ dong dài, hai giá sách. Hai gian phía trong, một làm buồng, một làm chỗ sinh hoạt cho cụ Nguyễn Thị Kép và hai con gái.

Học sinh quanh vùng theo học cụ Hoàng Đường khá đông. Cụ là một nhà túc nho giàu lòng yêu thương người, hay giúp đỡ những người nghèo hiếu học.

Mồng một Tết năm Mậu Dần (1878), trên đường đi chúc Tết ở Kim Liên, cụ Hoàng Đường chứng kiến một hiện tượng đầy xúc động: Một chú bé ngồi trên lưng trâu tay cầm quyển sách mãi mê đọc, hình như thờ ơ với trò chơi trẻ con ngày tết, Cụ bước tới gần và nhận



Nơi học đầu tiên của ông Nguyễn Sinh Sắc tại nhà cụ Hoàng Đường.

ra đó chính là chú bé Nguyễn Sinh Sắc, con trai cụ Nguyễn Sinh Nhậm và cụ bà Hà Thị Hy. Lên bốn tuổi Nguyễn Sinh Sắc mồ côi cha, một năm sau mẹ lại qua đời, chú phải ở với ông Nguyễn Sinh Trợ (nhân dân địa phương thường gọi là Nguyễn Sinh Thuyết), anh cùng cha khác mẹ.

Lớn lên, Nguyễn Sinh Sắc càng thông minh, ham học, nhưng hoàn cảnh gia đình ông Nguyễn Sinh Trợ có nhiều khó khăn, không đủ điều kiện cho em theo học ở trường. Vì khát học, Nguyễn Sinh Sắc đã học lỏm bạn bè được ít nhiều chữ nghĩa và học say mê đến mức khi già gạo, lúc nấu ăn tay vẫn cầm quyển sách.

Được sự đồng ý của gia đình ông Nguyễn Sinh Trợ, cụ Hoàng Đường đưa Nguyễn Sinh Sắc về làng Hoàng



Toàn cảnh khu nhà cụ Hoàng Đường.

Trù nuôi cho ăn học. Năm ấy, ông Nguyễn Sinh Sắc vừa tròn mười lăm tuổi.

Tại ba gian nhà ngoài của cụ Hoàng Đường, cậu Nguyễn Sinh Sắc bắt đầu học tập có thầy giáo kèm cặp. Nhờ sự dạy dỗ tận tình của cụ Hoàng Đường, không bao lâu những thiên tư đỉnh ngộ của Nguyễn Sinh Sắc bộc lộ khá rõ ràng, hứa hẹn một tương lai đẹp đẽ trên con đường cử nghiệp, tiếng tăm học giỏi của ông được nhân dân đồn đại khắp vùng.

Nguyễn Sinh Sắc không những là một học sinh thông minh, hiếu học mà còn là một thiếu niên siêng năng, hoạt bát trong sinh hoạt, nét na, lễ phép trong giao tiếp nên ông bà cụ Hoàng Đường càng quý mến, yêu thương như con đẻ.

Qua hai năm học tập, sinh sống trong nhà cụ Hoàng Đường, Nguyễn Sinh Sắc đã tích lũy được một vốn kiến thức văn hóa có thể đàm đạo văn thơ với những học trò giỏi lớp trước.

Để cho tài năng Nguyễn Sinh Sắc phát triển, ông bà cụ Hoàng Đường đưa tiền gạo, gửi cậu tới học với nhà nho Nguyễn Thức Tự ở làng Đông Chũ, xã Thịnh Trường (nay là Nghi Trường), huyện Nghi Lộc, một thầy đồ nổi tiếng khắp cả vùng Nghệ Tĩnh lúc bấy giờ.

Khi Nguyễn Sinh Sắc mười tám tuổi, cụ Hoàng Đường có ý định rất tốt đẹp, chọn cậu làm con rể. Cụ bàn việc này với vợ. Cụ bà Nguyễn Thị Kép còn theo quan niệm cũ, cho rằng gia đình mình cả nội lẫn ngoại đều là những nhà nho có danh tiếng trong vùng, dựng vợ gả chồng cho con phải môn đăng hộ đối, “trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi”. Nay gả con gái đầu lòng cho chú bé mồ côi mà mấy lâu nay nhà mình nuôi nấng, sợ làng xóm chê cười, nên chưa ưng thuận.

Cụ Hoàng Đường cũng bày tỏ ý định tốt đẹp của mình với bố vợ là cụ Nguyễn Văn Giáp. Cụ Giáp đã vui vẻ khuyên nhủ con gái nên thương yêu, dùm bọc lấy người cô tài, có đức gặp phải hoàn cảnh éo le.

Vì thế, cuối năm 1881, lễ hứa hôn giữa Nguyễn Sinh Sắc và Hoàng Thị Loan được tổ chức trong ngôi nhà gỗ năm gian này. Hai năm sau (1883) mới làm lễ thành hôn. Ông bà Hoàng Đường đã xây dựng ngôi nhà tranh ba gian đầu góc vườn phía tây nhà mình để cho đôi vợ chồng mới cưới có chỗ ở riêng.

Tại ngôi nhà cụ Hoàng Đường, tuổi ấu thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được ông bà ngoại bông bế, nâng niu, ru cho Người nghe những làn điệu dân ca quê nhà, điệu ví dò đưa, điệu hát phường vải... chứa đựng bao thi tứ trữ tình. Cũng chính nơi đây, tuổi thơ của Người đã chứng kiến sự dạy dỗ tận tình của ông ngoại đối với học trò, sự tiếp thu những điều lành, ý đẹp của cha mẹ qua những buổi đàm đạo, trao đổi với ông bà ngoại và chính Người đã cảm nhận sự dạy bảo ân cần, chứa đựng những hoài bão đẹp đẽ lớn lao của ông bà ngoại đối với người cháu thông minh và ham hiểu biết.

Ngôi nhà gỗ năm gian này, tổ ấm của ông bà cụ Hoàng Đường, là nơi bà Hoàng Thị Loan sinh ra và lớn lên, là lớp học đầu tiên ươm trồng tài năng của ông Nguyễn Sinh Sắc, là nơi ông bà cụ Hoàng Đường xây dựng hạnh phúc lứa đôi cho bố mẹ Bác và cũng là nơi ghi dấu những kỷ niệm êm đẹp trong tuổi ấu thơ của Người.



NHÀ THỜ CHI NHÁNH HỌ HOÀNG XUÂN

Theo tộc phả để lại, ta biết tổ tiên dòng họ Hoàng Xuân ở làng Hoàng Vân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (nay là Hoàng Vân, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng).

Trong nhà thờ đại tôn và nhà thờ chi nhánh họ Hoàng Xuân đều có đôi câu đối:

*Hoàng Vân chính khí truyền thiên cổ,
Chung Cự hùng thanh chấn ức niên.*

(Nghĩa là: Hoàng Vân khí tốt lành truyền từ xưa lại, Chung Cự tiếng hùng vọng đến vạn năm sau).

Họ Hoàng ở làng Hoàng Vân ngày trước có nhiều người học giỏi, làm quan to, được phong tước hầu, tước quận công.

Dưới thời Lê, Hoàng Nghĩa Giai được phong Vân Trường Hầu, Hoàng Nghĩa Giá được phong Thái Bảo - Chiêu quận công.

Khí Mạc Đăng Dung chiếm ngôi, Hoàng Nghĩa Giá cùng con trai là Hoàng Nghĩa Thân được vua Lê giao cho một cánh quân kéo vào Nghệ Tĩnh xây dựng đồn lũy chống nhà Mạc. Sau khi chống Mạc thắng lợi,

Hoàng Nghĩa Giá và Hoàng Nghĩa Thân không về Hoàng Văn mà ở lại làng Dương Xá, tổng Phù Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Đến thế hệ thứ chín, Hoàng Phác Cẩn chuyển lên làng Hoàng Trù, lập ra họ Hoàng ở đây. Sau Hoàng Phác Cẩn năm thế hệ, có Hoàng Cương, tự Xuân Cẩn, đậu ba khoa tú tài, sinh ra Hoàng Đường, tự Văn Cát, thi Chất Trục, dân địa phương thường gọi là cụ đồ An.

Theo dòng chữ tạc trên xà nhà ở gian chính giữa "Tự Đức tam thập tứ niên tạo hoàn" (Nghĩa là làm xong năm Tự Đức thứ 34), tức năm Tân Tỵ (1881), sau khi đưa Nguyễn Sinh Sắc về nuôi ăn học được ba năm thì cụ Hoàng Đường dựng ngôi nhà thờ này để thờ cố nội Hoàng Xuân Miếu, ông nội Hoàng Xuân Lý, thân sinh Hoàng Xuân Cẩn.

Từ khi khởi dựng đến khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời, nhà thờ vẫn là ngôi nhà gỗ, lợp tranh, xung quanh thưng phen. Mãi đến năm 1930, bà con trong họ Hoàng đã tu sửa và lợp ngôi như hiện nay.

Ngày 9 tháng 12 năm 1961, sau khi thăm ngôi nhà tranh, nơi sinh ra và gắn bó với quãng đời ấu thơ đầu tiên của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thăm viếng ngôi nhà thờ họ. Thấy tế khí trên bàn thờ vẫn được giữ nguyên, sạch sẽ, hương khói trang nghiêm, Người vui vẻ hỏi bà con đi bên cạnh: "Ngôi nhà thờ này được lợp ngôi từ bao giờ?"

Bước ra khỏi cửa nhà thờ, thấy cây mít xanh tốt, cành lá sum suê, Người nói: "Chà, cây mít ngày xưa



*Cây mít nơi gắn bó những kỷ niệm
tuổi thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh*

vẫn còn". Bà con trong họ đi bên cạnh thưa với Người: "Cây mít ngày xưa bị gãy, thân cây mít này là chồi mới mọc trên gốc cũ ngày trước". Người nói tiếp: "Cây mít này thường nhiều quả, cùi mỏng nhưng rất ngọt".

Thấy lại cảnh cũ, nhớ người xưa, Chủ tịch vô cùng bồi hồi, xúc động, lưu luyến tạm biệt bà con trong họ trở về thăm làng Sen, nơi Người đã sống và lớn lên trong quãng đời niên thiếu.



NHÀ ÔNG PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC

Nhà ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Bác Hồ nằm gọn trong khu vườn rộng 4 sào 14 thước Trung bộ (2.467 m²), thuộc làng Kim Liên, xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Khoa thi Hội năm Tân Sửu (1901), ông Nguyễn Sinh Sắc (tức Nguyễn Sinh Huy) đậu Phó bảng. Theo tập tục địa phương và nguyện vọng của nhân dân, ông cùng các con rời Hoàng Trù về sống tại làng Sen (tên chữ là Kim Liên) quê nội - nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Rời khỏi làng Kim Liên về học với cụ Hoàng Đường từ lúc mười lăm tuổi, khi đậu Phó bảng, ông Nguyễn Sinh Sắc đã ba mươi chín tuổi. Thương cảm trước cảnh ngộ riêng của ông Sắc, đặc biệt là trước vinh dự lớn là lần đầu tiên trong làng có người đậu đại khoa, làng quyết định xuất quỹ công, sang tận xã Xuân La (nay là xã Xuân Lâm) mua một ngôi nhà gỗ năm gian về dựng trên mảnh đất công của làng để mừng ông Phó bảng. Tất cả cây cối trong vườn cũng đều do dân làng trồng giúp. Ông Nguyễn Sinh Trự đã dỡ lăm thóc của mình, chuyển sang làm ngôi nhà ngang mừng em đỗ đạt.



*Năm 1901-1906 Nguyễn Sinh Cung theo cha
về sông ở ngôi nhà này tại làng Sen*

Với nhiệt tình của dân làng, chỉ vài ngày sau nhà cửa, vườn tược đã chu tất, đẹp đẽ. Dân làng Kim Liên bèn xuống làng Hoàng Trù, vui mừng rước đón ông Nguyễn Sinh Sắc và ba con là Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Sinh Khiêm, Nguyễn Sinh Cung (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh) về ở.

Vì thế, năm 1957 sau năm mươi năm bôn ba hải ngoại, tìm đường cứu nước, lần đầu tiên về thăm quê hương, khi vào thăm ngôi nhà này, Người nói: "Đây là nhà ông Phó bảng". Quả đúng như vậy. Nhờ đậu Phó bảng nên ông Nguyễn Sinh Sắc mới có ngôi nhà gỗ năm gian này.

Khi về ở đây, ông Nguyễn Sinh Sắc đã dùng hai gian nhà ngoài để làm nơi thờ tự và tiếp khách. Với lối

sống giản dị và thanh bạch, ông Sắc làm một bàn thờ đơn giản để tưởng niệm người vợ đã sớm qua đời. Đồ thờ làm bằng gỗ mộc, không sơn son thếp vàng. Khi về thăm quê, lúc bước vào nhà, nhìn thấy bàn thờ mẹ như vậy, Người xúc động nói với bà con: “Xưa nhà Bác nghèo, bàn thờ chỉ bàn tre, không có chân mà chỉ dùng hai miếng gỗ đóng gá vào hai bên cột đỡ bàn thờ lên, liếp bằng nứa, trên trái chiếu mộc”.

Ở gian thứ nhất đặt một bộ phản lớn làm nơi tiếp khách. Khách thường đến đây là các nhà nho yêu nước như Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý, Đặng Nguyên Cẩn, Đặng Thái Thân... khi có khách đến chơi, chủ và khách đều ngồi trên bộ phản. Cậu Nguyễn Sinh Cung thường được cha cho đứng bên cạnh để lấy nước, lấy thuốc giúp cha tiếp khách. Chính những lúc ấy, cậu Nguyễn Sinh Cung nghe được những câu chuyện về thời cuộc của xã hội Việt Nam hồi đó và những việc làm cứu nước của các cụ.

Chính được nghe những câu chuyện ấy mà nhận thức xã hội và lòng yêu nước của cậu Nguyễn Sinh Cung cũng được nhen nhóm từ đây.

Gian thứ ba là căn buồng, nơi nghỉ của cô Nguyễn Thị Thanh.

Hai gian còn lại là nơi nghỉ, nơi sinh hoạt hằng ngày của gia đình. Ở đó đặt hai bộ phản gỗ. Bộ phản để gần cửa sổ là nơi ông Nguyễn Sinh Sắc nằm nghỉ. Những lúc nằm đọc sách ông thường gối đầu lên bậc cửa sổ để lấy ánh sáng phía ngoài sân vào. Còn bộ phản ở gian thứ năm là nơi nghỉ của cậu Nguyễn Sinh



*Cổ dong, nơi Nguyễn Sinh Cung được lắng nghe
các sĩ phu và phụ thân ngồi bàn việc cứu nước.*

Khiêm và Nguyễn Sinh Cung. Ngoài ra còn có một số đồ dùng khác: chiếc võng bện bằng sợi đay để nằm mát vào những ngày hè, một án thư để đọc sách và uống trà, một rương gỗ đựng lương thực, một tủ hai ngăn để bát chén. Trên tủ có chiếc mâm gỗ sơn, gia đình dùng khi có khách quý. Trên vách treo chiếc đèn đĩa thấp bằng dầu thực vật.

Sống trong ngôi nhà này, lúc ngủ dậy, cậu Nguyễn Sinh Cung xếp gọn chăn chiếu rồi để lên gác tre. Bên cạnh gác tre là một hộp gỗ, nơi để sách vở của ông Nguyễn Sinh Sắc và các con.

Ngôi nhà ngang ba gian là nơi nấu ăn hằng ngày của gia đình. Người nội trợ chính là cô Nguyễn Thị Thanh.

Cậu Nguyễn Sinh Khiêm. Nguyễn Sinh Cung cũng thường hay giúp chị gánh nước, thổi cơm.

Khi về ở đây, ông Nguyễn Sinh Sắc cùng các con sống rất thanh đạm, hòa mình với quần chúng nhân dân, được mọi người thương mến và hết sức giúp đỡ.

Ông thường lấy câu “Vật dĩ quan gia, vi ngô phong dạng” (dùng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà ta) để dạy con cái.

Trở về Kim Liên, ông Nguyễn Sinh Sắc đã có học vị Phó bảng, có điều kiện để suy nghĩ về vận mệnh đất nước, mà bấy lâu ông thường ấp ủ. Tư tưởng yêu nước của ông có bước phát triển. Ông còn chăm lo giáo dục con trưởng thành, nối chí của mình. Một mặt ông cho cậu Nguyễn Sinh Cung tới học với cử nhân Vương Thúc Quý, mặt khác khi đi đâu, ông cũng cho cậu đi cùng, cho nên mỗi việc làm, mỗi lời nói, mỗi cử chỉ hàng ngày của ông đều tác động mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu sắc tới các con.

Trong các buổi đàm luận việc nước, các sĩ phu thường phê phán lối học chữ Hán đương thời là “chi điệp chi văn” (lối văn trên cành trên lá) và trao đổi ý kiến, rút ra bài học thất bại trong phong trào chống Pháp của cụ Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn. Cậu Nguyễn Sinh Cung lúc ấy đã từng nghe được và chính những điều đó đã góp phần làm cho cậu suy nghĩ nhiều về con đường cứu nước mà mình sẽ lựa chọn sau này.

Theo cụ Phan Bội Châu kể lại trong tác phẩm “Phan Bội Châu niên biểu” thì thời kỳ này cậu Nguyễn

Sinh Cung đã cảm thụ được hai câu thơ mà cụ Phan thưởng ngâm:

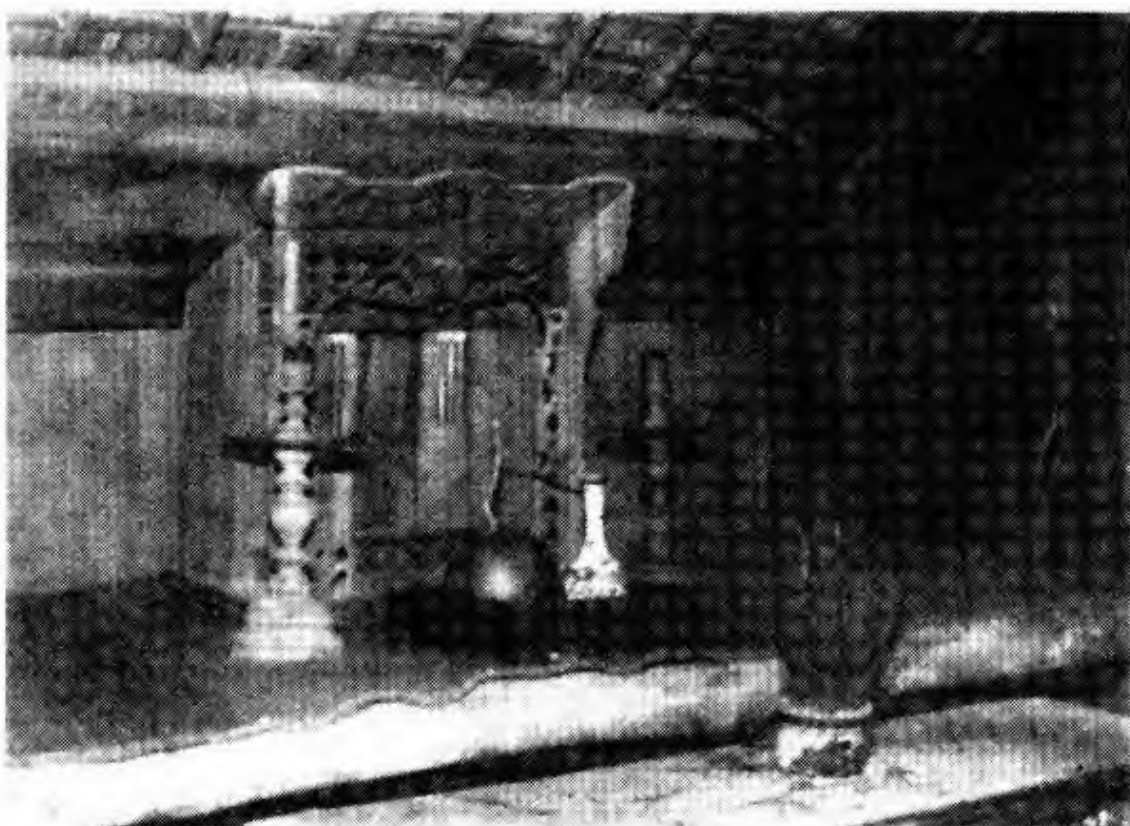
*Túc dạ bất vong duy trúc bạch
Lập thân tối hạ thị văn chương.
(Khuya sớm không quên ghi sử sách,
Lập thân hèn nhất ấy văn chương)*

Từ đó gợi mở ra một con đường hướng mới trong suy nghĩ và hành động của Nguyễn Sinh Cung. Đầu năm Ất Tỵ (1905), Phan Bội Châu xuất dương sang Nhật, khởi xướng phong trào cứu nước sôi nổi khắp cả nước. Thượng tuần tháng bảy năm ấy Phan Bội Châu bí mật từ Nhật Bản về nước, rồi về Nghệ Tĩnh họp các đảng viên bàn kế hoạch đưa học sinh xuất dương du học. Tiêu chuẩn học sinh xuất dương phải “lựa chọn kỹ những thanh niên, phải là người thông minh, hiếu học, chịu gian khổ, quen khó nhọc, quyết chí bền gan, không bao giờ thay đổi mới là hợp cách”^(*).

Một tháng sau, cụ Phan Bội Châu trở lại Nhật, có đưa ba học sinh đi theo. Một người Thanh Hóa, hai người Nghệ Tĩnh. Trong đó có Nguyễn Thức Canh, con trai cụ Nguyễn Thức Tự, thầy học nổi tiếng của cụ Phan Bội Châu và Nguyễn Sinh Sắc.

Chuyến về nước đưa học sinh xuất dương này, trong suy nghĩ của Phan Bội Châu thì Nguyễn Sinh Cung là một thiếu niên thông minh, có chí khí, cụ dự định đưa sang Nhật. Theo “Những mẩu chuyện về đời hoạt động

(*) Phan Bội Châu niên biểu. Nhà xuất bản Văn-Sử-Địa, năm 1957, tr.60.



Bàn thờ bà Hoàng Thị Loan.

của Hồ Chủ tịch” của Trần Dân Tiên thì cụ Phan Bội Châu muốn đưa Nguyễn Sinh Cung sang Nhật, nhưng cậu không đi. Cậu từ chối con đường Đông Du, ở lại với cha trong ngôi nhà tranh này và bắt đầu có những hoạt động cứu nước.

Trần Dân Tiên viết: “Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thiếu niên mười lăm tuổi, người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào.

Lúc bấy giờ, anh đã có chí khí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh đã tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc”^(*).

(*) Trần Dân Tiên - Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch. NXB Văn Học Hà Nội, 1969, tr.10.

Ngôi nhà ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc ở Kim Liên đã gắn bó với một giai đoạn hết sức quan trọng trong cuộc đời niên thiếu của Hồ Chủ tịch, từ mười một tuổi, đến mười sáu tuổi. Ngôi nhà này là một kỷ vật chứng kiến quá trình lao động, học tập và trưởng thành trong thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là nơi ghi dấu những cảm xúc đầu tiên về lòng yêu nước, về nhận thức xã hội và bước đầu có những hoạt động cứu nước của Người.

Tháng 5 năm 1906, Triều đình Huế lần thứ hai mời ông Sắc ra làm quan. Lần này không từ chối được nữa, ông đành phải rời quê hương Kim Liên vào kinh đô Huế nhận chức Thừa Biện Bộ Lễ.

Hai anh em Nguyễn Sinh Khiêm, Nguyễn Sinh Cung lại được theo cha vào Huế lần thứ hai. Ngôi nhà giao lại cho cô Thanh quản lý. Sau một thời gian học tập ở Huế, cậu Nguyễn Sinh Khiêm trở về sống với chị gái ở quê nhà. Cả hai chị em đều tích cực tham gia phong trào chống thực dân Pháp dưới ngọn cờ cứu nước của cụ Phan Bội Châu, thuộc phái đấu tranh vũ trang của Đội Quyên, Đội Cấn.

Sáng ngày 16 tháng 6 năm 1957, cả xã Kim Liên rạo rực, hân hoan đón Hồ Chủ tịch về thăm quê lần đầu tiên, sau năm mươi năm xa cách.

Khi bà con đón mời Người vào nhà khách, Người vui vẻ nói: "Nhà khách là để đón khách, còn tôi là chủ thì để tôi về thăm nhà". Nói rồi, Người đi về phía nhà mình. Đến đây cổng tre đã mở sẵn, mọi người mời Chủ tịch Hồ Chí Minh vào nhà, nhưng Người cười và

giơ tay chỉ: “Cổng này xưa là ở đâu kia”. Bàn chân của Người đã trở về theo dấu chân thuở còn thiếu niên.

Cây cối trong vườn, từ năm 1901 dân làng đem đến trồng với lòng tôn kính cụ Phó bảng. Qua biến đổi của hơn nửa thế kỷ, một số cây bị mất, lúc này chưa kịp trồng lại. Nhớ lại cảnh cũ, Chủ tịch Hồ Chí Minh xúc động nói: “Ngày trước ở ngay cổng ra vào có cây ổi đào nhiều quả và rất ngọt, trước sân là cây bưởi, bên hồi nhà có cây cam và sau nhà có hàng cau đẹp.”

Mảnh vườn trước đây gia đình cụ Phó bảng thường sản xuất hoa màu theo thời vụ. Lúc đi ra cổng, một đồng chí cán bộ tỉnh đã mạnh dạn xin Chủ tịch cho phép trồng hoa trong vườn cho đẹp, Người chỉ vào vườn khoai đã có hoa và bảo “hoa khoai vẫn đẹp”, mọi người hiểu ý đều cảm động.

Sau khi thăm lại ngôi nhà, thăm lại những kỷ vật gắn bó thân thiết thuở còn niên thiếu, Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi thăm giếng Cốc, lò rèn Cổ Diển là những nơi Người thường ra gánh nước, thổi bể, rèn đồ chơi thuở nhỏ. Khi Bác hỏi thăm gia đình cố Phương nay có đủ ăn không, thì mọi người đều nghẹn ngào. Vì ai nấy đều biết gia đình cố Phương là gia đình nghèo nhất làng Sen thuở Người từ già quê hương ra đi tìm đường cứu nước.

Sáng ngày 9 tháng 12 năm 1961, Kim Liên lại vinh dự đón Bác về thăm quê lần thứ hai.

Ngôi nhà ông Phó bảng từ đó, còn là nơi chứng kiến hai lần Bác về thăm “quê hương nghĩa trọng tình cao”.